

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần gạch Khang Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần gạch Khang Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 07500510750 ngày 23 tháng 9 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 02 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ giao dịch của Công ty đặt tại tầng 5, tòa nhà VG, ngõ 235 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch
Ông Lê Hoài An	Ủy viên
Ông Phạm Sĩ Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tiêm	Ủy viên
Ông Trần Hải Long	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Hoài An	Giám đốc
Bà Hoàng Hạnh Phúc	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nam, ngày 08 tháng 8 năm 2017

TM. Ban lãnh đạo
Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

Số : 190../2017/BCSX-TC2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần gạch Khang Minh được lập ngày 08 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Phó Giám đốc**



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.305.207.790	77.850.131.763
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.427.877.947	5.505.249.071
1.	Tiền	111	V.01	1.427.877.947	5.505.249.071
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.753.830.951	51.305.685.450
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	51.407.601.482	49.867.244.212
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.846.229.469	1.335.617.723
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	500.000.000	102.823.515
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	9.519.845.388	4.153.548.855
1.	Hàng tồn kho	141		9.519.845.388	4.153.548.855
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		18.603.653.504	16.885.648.387
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	1.949.171.120	122.086.247
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	16.654.482.384	16.763.562.140
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.988.231.837	42.464.620.535
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		43.479.425	43.479.425
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	43.479.425	43.479.425
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		40.471.921.967	34.175.913.668
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	40.471.921.967	34.175.913.668
	- Nguyên giá	222		64.382.657.263	57.012.890.741
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.910.735.296)	(22.836.977.073)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	-	1.610.169.837
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.610.169.837
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	17.869.000.000	200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		17.119.000.000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		5.603.830.445	6.435.057.605
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	5.603.830.445	6.435.057.605
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		148.293.439.627	120.314.752.298

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		91.254.061.232	66.423.849.288
I.	Nợ ngắn hạn	310		84.199.706.657	58.947.169.713
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	31.579.625.024	30.343.211.431
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	638.830.814	523.872.600
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	874.130.069	2.138.613.998
4.	Phải trả người lao động	314		1.420.305.408	1.237.447.478
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	74.727.270	95.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.776.459.389	357.882.509
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	40.835.628.683	24.251.141.697
II.	Nợ dài hạn	330		7.054.354.575	7.476.679.575
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	7.054.354.575	7.476.679.575
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.039.378.395	53.890.903.010
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	57.039.378.395	53.890.903.010
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.039.378.395	8.890.903.010
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.890.903.010	5.750.940.153
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.148.475.385	3.139.962.857
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		148.293.439.627	120.314.752.298

Hà Nam, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Đinh Thị Thu Hà

Hoàng Hạnh Phúc

Đặng Việt Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	66.935.395.531	60.367.501.960
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.935.395.531	60.367.501.960
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	56.940.279.204	48.253.331.107
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.995.116.327	12.114.170.853
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.754.641	1.812.713
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.770.219.392	1.294.182.733
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.770.219.392	1.288.262.019
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	2.250.499.917	2.597.492.036
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	2.008.298.588	1.996.917.875
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.967.853.071	6.227.390.922
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	25.807.072	116.812.781
13.	Lợi nhuận khác	40		(25.807.072)	(116.812.781)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.942.045.999	6.110.578.141
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	793.570.614	1.222.115.628
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.148.475.385	4.888.462.513

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72.203.195.264	60.164.501.905
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(63.648.273.455)	(41.223.793.716)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.035.148.045)	(6.179.733.501)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(1.770.219.392)	(1.287.088.344)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.192.146.125)	(1.688.793.417)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.401.759.879	92.787.834
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.039.200.354)	(3.193.960.125)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.919.967.772	6.683.920.636
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.992.255.523)	(14.032.560.555)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	127.272.727
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.125.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.125.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.169.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.754.641	1.812.713
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.159.500.882)	(13.903.475.115)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		60.288.558.686	45.004.288.912
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(44.126.396.700)	(37.902.737.924)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.162.161.986	7.101.550.988
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.077.371.124)	(118.003.491)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.505.249.071	4.699.272.510
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.427.877.947	4.581.269.019

Hà Nam, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Đinh Thị Thu Hà

Hoàng Hạnh Phúc

Đặng Việt Lê

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2017
- Công ty TNHH Sản xuất Gạch Khang Minh	Thôn Tân Lâm, trị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	457.600.258	640.182.059
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	970.277.689	4.865.067.012
Cộng	1.427.877.947	5.505.249.071

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con			17.119.000.000	-	17.119.000.000			-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh	100	100	17.119.000.000	-	17.119.000.000			-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			750.000.000	-	750.000.000			200.000.000	-	200.000.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh	15	15	750.000.000	-	750.000.000	15	15	200.000.000	-	200.000.000
Cộng			17.869.000.000	-	17.869.000.000			200.000.000	-	200.000.000

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con và đơn vị khác trong kỳ:**Góp vốn đầu tư**

Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh

17.119.000.000

-

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh

550.000.000

-

Chi phí vận chuyển

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh

4.582.557.052

-

Chi phí hạ hàng

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh

24.600.000

-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	51.407.601.482	49.867.244.212
- Công ty Cổ phần Gạch Đoàn Minh Công	7.670.734.357	13.393.921.437
- Công ty Thành An 116 - Tổng Công ty Thành An	2.198.230.713	2.278.230.713
- Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp Delta	1.614.702.705	2.655.411.366
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	39.923.933.707	31.539.680.696
Cộng	51.407.601.482	49.867.244.212

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.846.229.469	1.335.617.723
- Công ty TNHH xây dựng và phát triển thương mại Nguyên Minh	-	1.000.000.000
- Dự án Capitale	1.817.294.712	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh	617.757.930	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	411.176.827	335.617.723
Cộng	2.846.229.469	1.335.617.723

b. Trả trước người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước người bán ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh	617.757.930	-
Cộng	617.757.930	-

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	500.000.000	-	102.823.515	-
- Tạm ứng	-	-	101.759.879	-
- Phải thu khác	500.000.000	-	1.063.636	-
b. Dài hạn	43.479.425	-	43.479.425	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	43.479.425	-	43.479.425	-
Cộng	543.479.425	-	146.302.940	-

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	5.213.685.783	-	1.771.239.479	-
- Công cụ, dụng cụ	309.208.667	-	44.317.468	-
- Thành phẩm	3.996.950.938	-	2.337.991.908	-
Cộng	9.519.845.388	-	4.153.548.855	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.610.169.837
- Bồi dưỡng gạch	-	1.610.169.837
Cộng	-	1.610.169.837

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	13.138.403.005	34.282.678.655	7.995.818.172	847.772.727	748.218.182	57.012.890.741
- Mua trong kỳ	3.168.500.000	2.331.600.000	810.000.000	-	690.000.000	7.000.100.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.203.394.522	-	-	-	-	3.203.394.522
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.833.728.000)	-	-	-	(2.833.728.000)
Số dư cuối kỳ	19.510.297.527	33.780.550.655	8.805.818.172	847.772.727	1.438.218.182	64.382.657.263
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.741.131.957	13.649.077.904	1.704.289.486	133.863.631	608.614.095	22.836.977.073
- Khấu hao trong kỳ	849.776.422	2.278.664.018	663.893.231	56.920.452	58.232.100	3.907.486.223
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.833.728.000)	-	-	-	(2.833.728.000)
Số dư cuối kỳ	7.590.908.379	13.094.013.922	2.368.182.717	190.784.083	666.846.195	23.910.735.296
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	6.397.271.048	20.633.600.751	6.291.528.686	713.909.096	139.604.087	34.175.913.668
2. Tại ngày cuối kỳ	11.919.389.148	20.686.536.733	6.437.635.455	656.988.644	771.371.987	40.471.921.967

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 2.967.648.952 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 26.897.619.755 đồng và 17.333.572.932 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Hợp tác – Chi nhánh Sở giao dịch và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	1.949.171.120	122.086.247
- Chi phí trả trước về thuê văn phòng	51.377.905	51.377.905
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.897.793.215	70.708.342
b. Dài hạn	5.603.830.445	6.435.057.605
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.830.549.188	3.620.116.638
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.764.947.930	2.796.607.638
- Các khoản khác	8.333.327	18.333.329
Cộng	7.553.001.565	6.557.143.852

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	24.251.141.697	24.251.141.697	57.456.765.686	40.872.278.700	40.835.628.683	40.835.628.683
- Vay ngân hàng	24.251.141.697	24.251.141.697	57.456.765.686	40.872.278.700	40.835.628.683	40.835.628.683
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch ^(a)	10.267.051.829	10.267.051.829	7.389.049.028	10.267.051.829	7.389.049.028	7.389.049.028
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam ^(b)	13.067.589.868	13.067.589.868	50.067.716.658	29.688.726.871	33.446.579.655	33.446.579.655
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Kinh Đô	916.500.000	916.500.000	-	916.500.000	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	3.254.118.000	7.054.354.575	7.054.354.575
Vay dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	3.254.118.000	7.054.354.575	7.054.354.575
Từ 1 năm đến 5 năm	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	3.254.118.000	7.054.354.575	7.054.354.575
- Vay ngân hàng	7.476.679.575	7.476.679.575	2.831.793.000	3.254.118.000	7.054.354.575	7.054.354.575
+ Ngân hàng Hợp tác - Chi nhánh Sở giao dịch ^(c)	4.071.550.000	4.071.550.000	-	2.266.880.000	1.804.670.000	1.804.670.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam ^(d)	3.405.129.575	3.405.129.575	2.831.793.000	987.238.000	5.249.684.575	5.249.684.575
Cộng	31.727.821.272	31.727.821.272	60.288.558.686	44.126.396.700	47.889.983.258	47.889.983.258

(a): Khoản vay theo các hợp đồng hạn mức tín dụng số HMA0500441/HĐCT ngày 17/5/2017, số HMA0500442/HĐCT ngày 07/6/2017, số HMA0500443/HĐCT ngày 13/6/2017, HMA0500444/HĐCT ngày 14/6/2017, số HMA0500445/HĐCT ngày 15/6/2017, số HMA0500446/HĐCT ngày 16/6/2017, số HMA0500447/HĐCT ngày 19/6/2017 và số HMA0500448 ngày 22/6/2017 để thanh toán cho các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba, tài sản của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 6 tháng. Lãi suất vay trong kỳ là 9,6%/năm;

(b): Khoản vay theo các hợp đồng hạn mức tín dụng số 12495.16.770.2297527.TD ngày 31/3/2016, phụ lục hợp đồng số 12495.16.770.2297527.TD.PL01 ngày 03/01/2017 và số 95474.17.770.2297527 ngày 03/4/2017 để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba, tài sản của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng thời kỳ;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c): Khoản vay theo các hợp đồng trung hạn số DHA0500049/HĐTD ngày 20/5/2016; số DHA0500050/HĐTD ngày 09/6/2016; số DHA0500051/HĐTD ngày 17/7/2016; số DHA0500052/HĐTD, số DHA0500053/HĐTD, số DHA0500054/HĐTD ngày 15/9/2016; số DHA0500055/HĐTD, số DHA0500056/HĐTD ngày 27/10/2016. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3, tài sản của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất vay trong kỳ từ 8,4%/năm đến 10,8%/năm;
- (d): Khoản vay dài hạn theo các hợp đồng tín dụng số 111.15.770.2297527.TD ngày 07/10/2015; số 69940.15.770.2297527.TD ngày 26/10/2015; số 78902.15.770.2297527.TD ngày 28/10/2015; số 2790.16.770.2297527.TD ngày 26/01/2016; số 16450.16.770.2297527.TD ngày 28/4/2016; số 18271.16.770.2297527.TD ngày 10/5/2016; số 2429.17.770.2297527.TD ngày 24/01/2017 để mua tài sản cố định và được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Thời gian vay là 36 tháng. Lãi suất vay thay đổi theo từng thời kỳ.

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	31.579.625.024	31.579.625.024	30.343.211.431	30.343.211.431
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thăng Long	7.750.237.930	7.750.237.930	8.282.932.440	8.282.932.440
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hà Mai	1.377.000.000	1.377.000.000	1.781.500.000	1.781.500.000
- Công ty Cổ phần Vận Tải Vijasun Hà Nam	2.590.141.789	2.590.141.789	7.096.273.923	7.096.273.923
- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Thương mại Nguyên Minh	2.955.856.292	2.955.856.292	3.616.077.549	3.616.077.549
- Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	6.695.120.200	6.695.120.200	2.028.343.200	2.028.343.200
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	10.211.268.813	10.211.268.813	7.538.084.319	7.538.084.319
Cộng	31.579.625.024	31.579.625.024	30.343.211.431	30.343.211.431

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	638.830.814	638.830.814	523.872.600	523.872.600
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Bộ Quốc Phòng	114.815.720	114.815.720	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Xây dựng Hương Giang Số 1	278.980.548	278.980.548	278.980.548	278.980.548
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tất Hồng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	135.525.000	135.525.000	135.525.000	135.525.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	9.509.546	9.509.546	9.367.052	9.367.052
Cộng	638.830.814	638.830.814	523.872.600	523.872.600

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	-	946.467.873	577.867.043	1.452.654.492	-	71.680.424
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.192.146.125	793.570.614	1.192.146.125	-	793.570.614
- Thuế thu nhập cá nhân	3.332.852	-	12.211.883	-	-	8.879.031
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	16.760.229.288	-	105.746.904	-	16.654.482.384	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	16.763.562.140	2.138.613.998	1.492.396.444	2.647.800.617	16.654.482.384	874.130.069

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	74.727.270	95.000.000
- Trích trước chi phí thuê văn phòng	74.727.270	-
- Trích trước các chi phí khác	-	95.000.000
Cộng	74.727.270	95.000.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	8.776.459.389	357.882.509
- Kinh phí công đoàn	221.207.713	181.824.553
- Bảo hiểm xã hội	255.251.676	176.057.956
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.300.000.000	-
+ Ông Đặng Việt Lê (*)	8.300.000.000	-
Cộng	8.776.459.389	357.882.509

(*) Khoản mượn tiền để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh không tính lãi.

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	5.750.940.153	50.750.940.153
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	3.139.962.857	3.139.962.857
Tăng khác	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	8.890.903.010	53.890.903.010
Số dư đầu năm nay			
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	3.148.475.385	3.148.475.385
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	45.000.000.000	12.039.378.395	57.039.378.395

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông khác:	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100
+ Ông Đặng Việt Lê	15.000.000.000	33	15.000.000.000	33
+ Ông Lê Hoài An	1.500.000.000	3	1.500.000.000	3
+ Các cổ đông khác	28.500.000.000	64	28.500.000.000	64
Cộng	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Doanh thu bán thành phẩm	66.935.395.531	60.367.501.960
Cộng	66.935.395.531	60.367.501.960

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	56.940.279.204	48.253.331.107
Cộng	56.940.279.204	48.253.331.107

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền gửi	1.754.641	1.812.713
Cộng	1.754.641	1.812.713

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền vay	1.770.219.392	1.288.262.019
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	5.920.714
Cộng	1.770.219.392	1.294.182.733

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	115.946.201
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	17.365.310	866.580
- Các khoản khác	8.441.762	-
Cộng	25.807.072	116.812.781

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.008.298.588	1.996.917.875
- Chi phí nhân viên quản lý	779.383.125	1.055.231.440
- Chi phí vật liệu quản lý	-	1.728.916
- Chi phí đồ dùng văn phòng	314.778.252	306.197.394
- Chi phí khấu hao TSCĐ	56.920.452	56.920.452
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	26.774.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.209.780	138.140.010
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	694.006.979	411.925.603
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	2.250.499.917	2.597.492.036
- Chi phí nhân viên	1.359.016.608	1.465.932.100
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.585.183	560.287.727
- Các khoản chi phí bán hàng khác	727.898.126	571.272.209
Cộng	4.258.798.505	4.594.409.911

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	793.570.614	1.222.115.628
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	793.570.614	1.222.115.628

(*) *Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành*

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.942.045.999	6.110.578.141
Các khoản điều chỉnh tăng	25.807.072	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính	25.807.072	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.967.853.071	6.110.578.141
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	793.570.614	1.222.115.628

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.039.703.595	24.282.304.267
- Chi phí nhân công	9.870.740.481	6.810.912.475
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.907.486.223	2.996.760.837
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.467.936.009	16.355.825.686
- Chi phí khác bằng tiền khác	1.572.170.431	5.625.253.391
Cộng	62.858.036.739	56.071.056.656

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mua tài sản bằng cách nhận nợ: 3.459.190.714 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

		Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Hội đồng quản trị		
Mượn tiền		8.300.000.000
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
+ Phải trả khác	8.300.000.000	-
Cộng nợ phải trả	8.300.000.000	-
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	1.007.910.020	548.381.336
Cộng	1.007.910.020	548.381.336

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất gạch không nung.

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.427.877.947	-	5.505.249.071	-	1.427.877.947	5.505.249.071
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.951.080.907	-	50.013.547.152	-	51.951.080.907	50.013.547.152
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	750.000.000	-	200.000.000	-	750.000.000	200.000.000
Cộng	54.128.958.854	-	55.718.796.223	-	54.128.958.854	55.718.796.223

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	31.579.625.024	30.343.211.431	31.579.625.024	30.343.211.431
Vay và nợ	47.889.983.258	31.727.821.272	47.889.983.258	31.727.821.272
Chi phí phải trả	74.727.270	95.000.000	74.727.270	95.000.000
Các khoản phải trả khác	8.300.000.000	-	8.300.000.000	-
Cộng	87.844.335.552	62.166.032.703	87.844.335.552	62.166.032.703

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	31.579.625.024	-	-	31.579.625.024
Vay và nợ	40.835.628.683	7.054.354.575	-	47.889.983.258
Chi phí phải trả	74.727.270	-	-	74.727.270
Các khoản phải trả khác	8.300.000.000	-	-	8.300.000.000
Cộng	80.789.980.977	7.054.354.575	-	87.844.335.552
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	30.343.211.431	-	-	30.343.211.431
Vay và nợ	24.251.141.697	7.476.679.575	-	31.727.821.272
Chi phí phải trả	95.000.000	-	-	95.000.000
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	54.689.353.128	7.476.679.575	-	62.166.032.703

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính (nay là Báo cáo tài chính riêng) cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính (nay là Báo cáo tài chính riêng) giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

Đ
M
V
L

Đ
M
V
L